

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30/01/2024

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO – TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Xuân Hùng.
2. Bà Đặng Thị Tuyết Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Luật - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/01/2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

HKTT: Thôn NT, xã NL, huyện YM, tỉnh HY.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

HKTT: Thôn NT, xã NL, huyện YM, tỉnh HY.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố B, phường DS, thị xã MH, tỉnh HY.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/8/2015 (*Vắng mặt*).

2. Cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2018 (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Khánh L, cháu Nguyễn Minh Q:

+ Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

HKTT: Thôn NT, xã NL, huyện YM, tỉnh HY.

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (*Vắng mặt*).

HKTT: Thôn NT, xã NL, huyện YM, tỉnh HY.

Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố B, phường DS, thị xã MH, tỉnh HY.

** Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Minh Qiếu, sinh năm 1950 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường DS, thị xã MH, tỉnh HY.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn NT, xã NL, huyện YM, tỉnh HY

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 07 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Mạnh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện YM, tỉnh HY năm 2013 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào đầu năm 2019 và liên tục mâu thuẫn cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm sống, không thống nhất trong việc nuôi dạy con cái, làm ăn xây dựng kinh tế gia đình và mọi vấn đề nên vợ chồng rất nhiều lần xảy ra to tiếng, cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Thực tế vợ chồng L thân nhau từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay, mỗi người sống một nơi, việc của ai người ấy lo, thu nhập của ai người đó quản lý. Nay anh xác định cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn. Mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vẫn đang L thân nhau nên không thể sống chung. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được L hôn với chị H để mỗi bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2018. Hiện tại hai cháu đang ở với chị Nguyễn Thị H. Khi L hôn, anh T yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và anh đồng ý mức cấp dưỡng theo ý kiến của chị H.

Về tài sản chung: Anh T xác định không có, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh và chị H không có, anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị H không tự khai tại Tòa án nhưng có ý kiến trình bày tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2023 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện YM, tỉnh HY năm 2013 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, căng thẳng nhất là giai đoạn tháng 10 năm 2019. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T sống có lối sống ích kỷ, không quan tâm vợ con. Chị đã nhiều lần góp ý với anh T, tuy nhiên, anh T không rút kinh nghiệm. Do đó, cùng năm 2019, chị đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở Tổ dân phố B, phường DS, thị xã MH, tỉnh HY để sinh sống cho đến nay. Từ khi về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T không quan tâm đến vợ con. Nay, anh T xin L hôn chị H không đồng ý vì nếu L hôn thì anh T càng không có trách nhiệm với vợ con.

Về con chung: Chị H xác định chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2018. Hiện nay chị không có thai nghén gì, nếu trường hợp L hôn thì chị yêu cầu Tòa án giao hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu L là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L thành niên. Đối với cháu Q thì chị H có trách nhiệm với cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện nay, chị H đang là Trưởng phòng Hành chính nhân sự, có mức thu nhập khoảng 24.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Khánh L trình bày: Bố và mẹ cháu là Nguyễn Mạnh T và Nguyễn Thị H. Hiện tại bố mẹ cháu không ở cùng nhau, mỗi người một nơi. Mẹ cháu đang ở nhà ông bà ngoại tại phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Còn bố cháu đang ở với ông bà nội. Cháu có nguyện vọng được ở với mẹ cháu và khi nào có điều kiện thì bố cháu đến thăm cháu cũng được.

* Người làm chứng bà Nguyễn Thị T (*mẹ đẻ anh T*) trình bày: Anh T, chị H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2013. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không thống nhất trong việc nuôi dạy con cái, làm ăn kinh tế. Trong thời gian chung sống, chị H rất nhiều lần tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Đến đầu năm 2019, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn nhưng đến nay tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay, anh T làm đơn xin L hôn với chị H thể hiện tình cảm vợ chồng vẫn chưa cải thiện được. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn cho anh T và chị H theo quy định của pháp luật. Về con chung, bà xác định anh T, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2018. Hiện tại cả anh T và chị H đều có công việc và thu nhập ổn định nên cả hai đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dưỡng, chăm sóc con chung trưởng thành nên anh T, chị H nuôi con đều đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các cháu. Trường hợp anh chị không thỏa thuận được với nhau về vấn đề con chung thì bà Tuyết yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các vấn đề về tài sản chung, nợ, ruộng nông nghiệp và công sức: Bà Tuyết không biết cụ thể, trường hợp anh T, chị H không thỏa thuận được với nhau về các vấn đề nêu trên thì bà Tuyết yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Sau này Tòa án đưa vụ án ra xét xử đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

* Người làm chứng ông Nguyễn Minh Qiều (*bố đẻ chị H*) trình bày: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện YMV và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống, giữa anh T và chị H phát sinh mâu thuẫn nhiều trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Chị H cũng mâu thuẫn với mẹ chồng trong việc nuôi dưỡng các cháu. Ngoài ra, ông còn biết chị H

và anh T mâu thuẫn với nhau về chỗ ở, chị H muốn ở riêng còn anh T muốn ở chung với mẹ. Từ đó, dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó, chị H đã bỏ về nhà ông sinh sống từ năm 2019 đến nay. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh T và chị H nhưng không thành. Nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được L hôn với chị H, ông Hiếu yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Ông Hiếu xác định anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L và cháu Nguyễn Minh Q. Cả hai cháu hiện nay đang ở cùng với chị H và vợ chồng ông Hiếu. Ông Hiếu yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo quy định pháp luật. Các vấn đề về tài sản chung, nợ, ruộng nông nghiệp và công sức: Ông Hiếu không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề trên. Đồng thời ông Hiếu đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Tại phiên tòa hôm nay: Vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh T và bị đơn chị Nguyễn Thị H, vắng mặt toàn bộ người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như vắng mặt người làm chứng là ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị T.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh T, bị đơn chị Nguyễn Thị H và tóm tắt nội dung khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh T cũng như công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện L hôn của anh Nguyễn Mạnh T và xử cho anh T được L hôn với chị Nguyễn Thị H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2018 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với cháu L cho chị H số tiền 3.000.000đ/tháng, đến khi cháu L thành niên, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện YM, tỉnh HY năm 2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh Nguyễn Mạnh T khởi kiện xin L hôn với chị Nguyễn Thị H nên đây là

tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú tại Tổ dân phố Bưởi, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu L và cháu Q, vắng mặt người làm chứng là ông Nguyễn Minh H và bà Nguyễn Thị Tnhưng đều đã có lời khai đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị H cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ đã thể hiện rõ: Trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn vào năm 2019. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống cũng như cách nuôi dưỡng, chăm sóc con cái. Thực tế, anh chị đã L thân nhau từ tháng 3 năm 2019 cho đến nay. Nay anh Nguyễn Mạnh T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết L hôn. Đối với chị Nguyễn Thị H, không đồng ý L hôn với anh Nguyễn Mạnh T nhưng chị H không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng mà thực tế cho đến nay vẫn đang L thân nhau, mỗi người sống một nơi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Điều đó đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, có đầy đủ căn cứ cho L hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện L hôn của anh Nguyễn Mạnh T và giải quyết cho anh T được L hôn với chị Nguyễn Thị H.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2018.

Đối với cháu Nguyễn Khánh L, cháu có nguyện vọng ở với chị H, anh T cũng đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu L cho chị H hàng tháng với số tiền 3.000.000đ/tháng đến khi cháu L thành niên; Đối với cháu Nguyễn Minh Q, đến thời điểm xét xử, cháu dưới 7 tuổi nên Tòa án không lấy lời khai ghi nhận nguyện vọng của cháu. Tuy nhiên, trường hợp vợ chồng L hôn, chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giao 02 con chung là cháu L và cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 cháu thành niên, chị H tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu Q và anh T đồng ý.

Thực tế từ khi vợ chồng L thân cho đến nay thì cháu L, cháu Q vẫn đang ở với chị H. Nay cháu L có nguyện vọng được ở cùng chị H và cháu Nguyễn Minh Q dưới 7 tuổi nên để đảm bảo điều kiện phát triển về thể chất, tinh thần, đảm bảo quyền lợi chính đáng cũng như không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của các cháu; Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu L và cháu Q cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện

của anh Nguyễn Mạnh T về việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu L hàng tháng số tiền 3.000.000đ/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Q.

[4] Về tài sản: Anh Nguyễn Mạnh T tự nguyện không yêu cầu giải quyết, chị Nguyễn Thị H cũng không có ý kiến hay đề nghị gì. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh, chị có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Nguyễn Mạnh T xác định không có và tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh, chị có yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Anh Nguyễn Mạnh T phải chịu án phí sơ thẩm L hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh T. Xử cho anh Nguyễn Mạnh T được L hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh L, sinh ngày 31/8/2015 và cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 10/5/2018 cho chị Nguyễn Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi hai cháu thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Mạnh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Khánh L hàng tháng số tiền 3.000.000đ/ tháng đến khi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H về việc không yêu cầu anh Nguyễn Mạnh T cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Q.

Anh Nguyễn Mạnh T có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Nguyễn Mạnh T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau L hôn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ chậm thi hành án khoản tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời

gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm L hôn và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí L hôn 300.000đ anh T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0013331 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên, anh Nguyễn Mạnh T đã nộp xong án phí sơ thẩm L hôn và còn phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị H không phải nộp án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã NL, huyện Yên Mỹ;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thế Dương